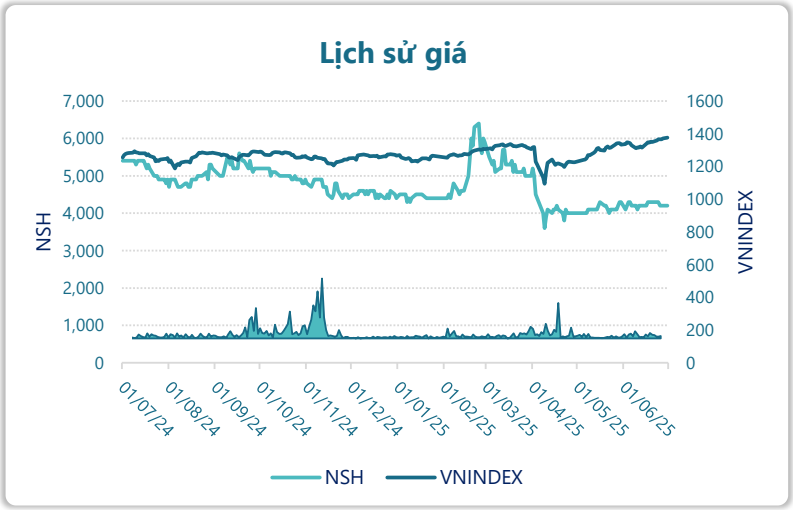
FireAnt

CTCP Tập đoàn Nhôm Sông Hồng Shalumi (HNX: NSH)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	20,693,437
KLGD BQ 20 phiên (CP)	37,585
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	87
P/E	41.3
EPS	102

DT thuần

Q2/25

326

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 141| 76.2%

YoY: ▲ 97.0| 42.4%

LN sau thuế

Q2/25

0.75

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.11| 16.9%

YoY: ▼0.07| -8.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.7%

+/- YoY: ▼ 1.6%

DT thuần

6T 2025

511

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 145| 39.8%

LN sau thuế

6T 2025

1.39

tỷ VNĐ

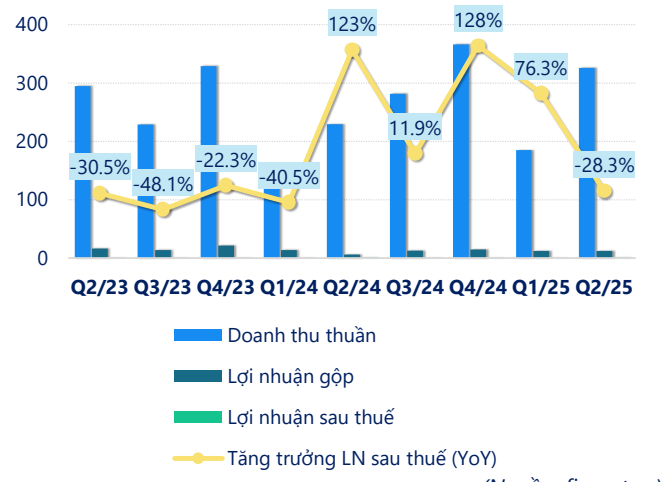
YoY: ▲ 0.22| 18.7%

ROE

Q2/25

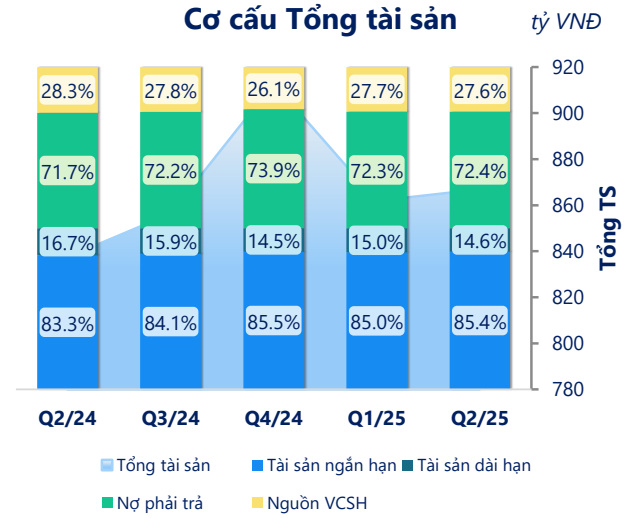
0.9%

Kết quả kinh doanh



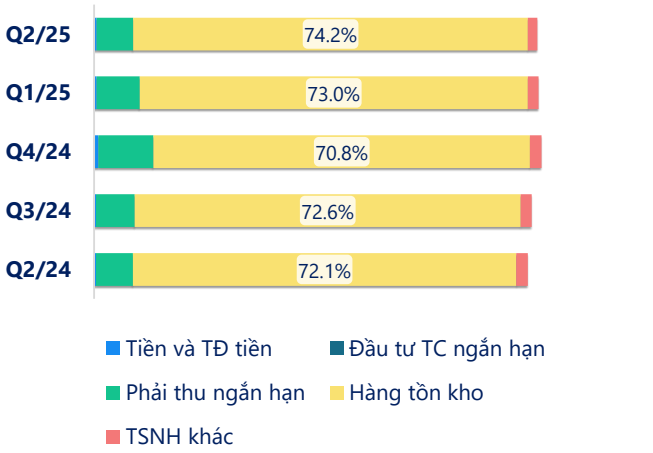
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



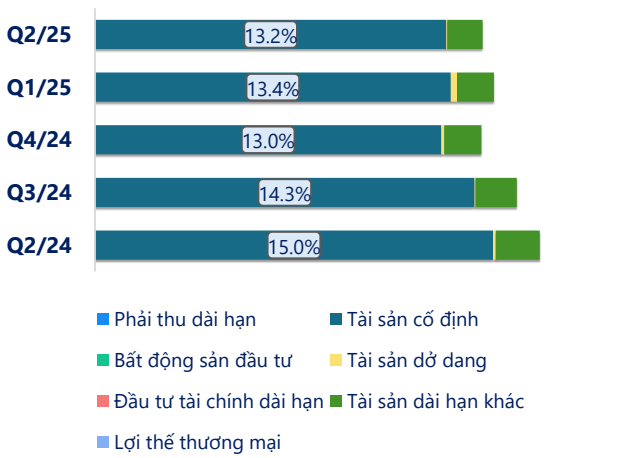
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



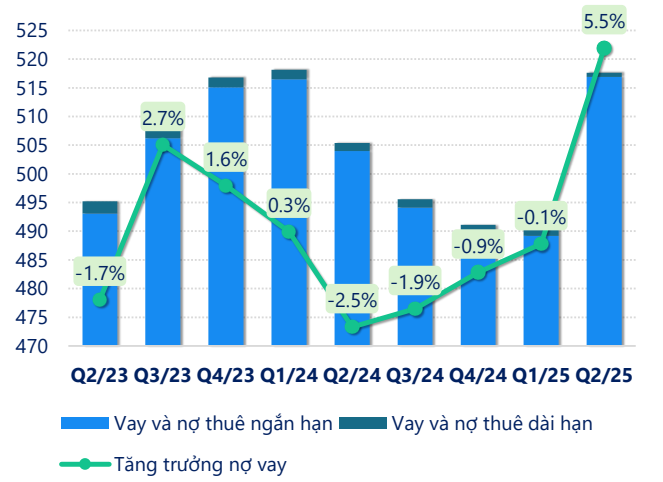
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



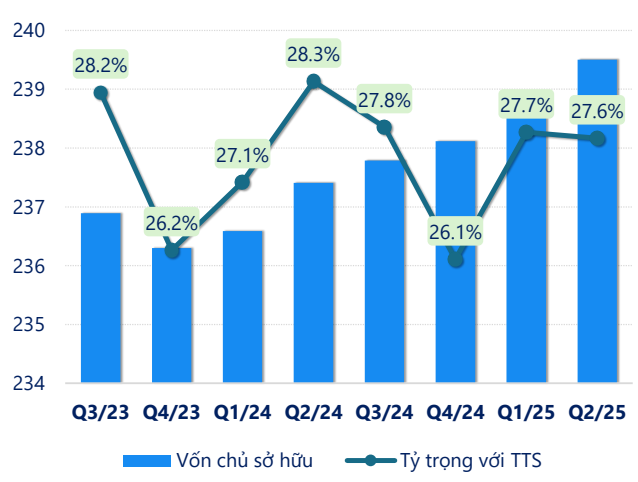
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



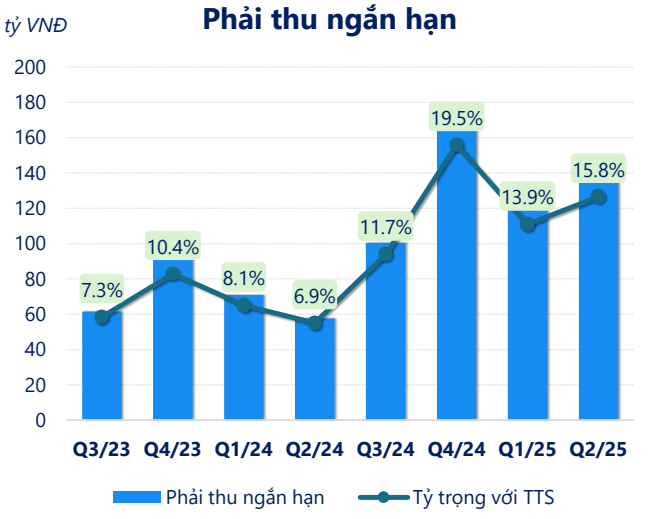
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



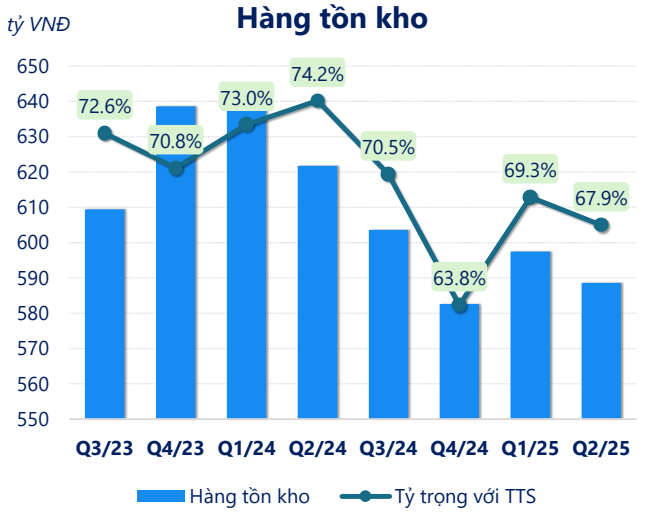
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



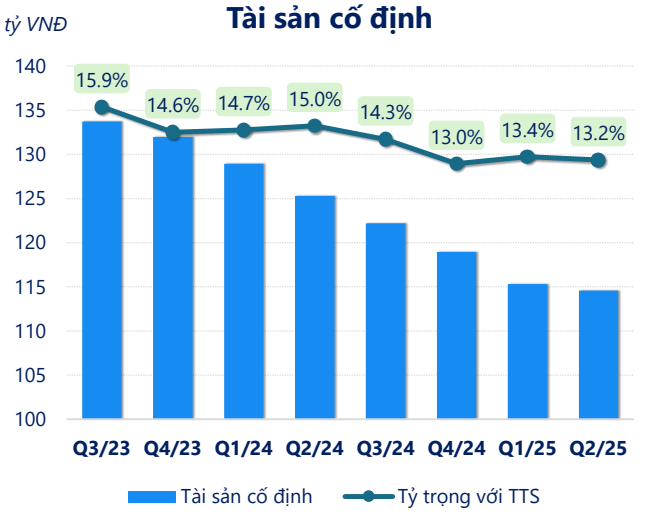
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



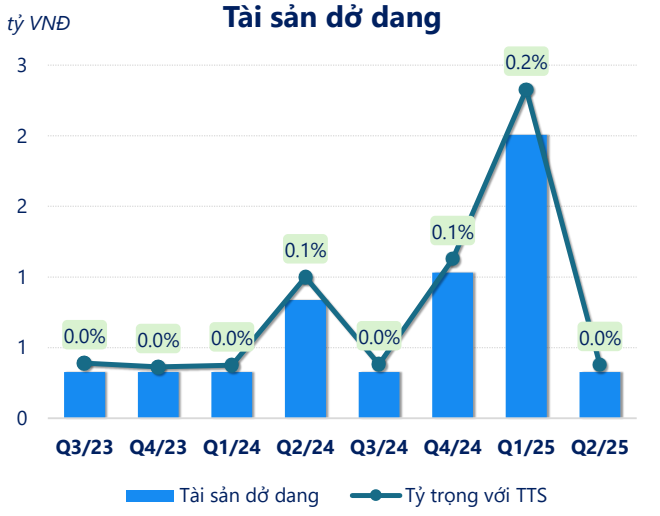
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



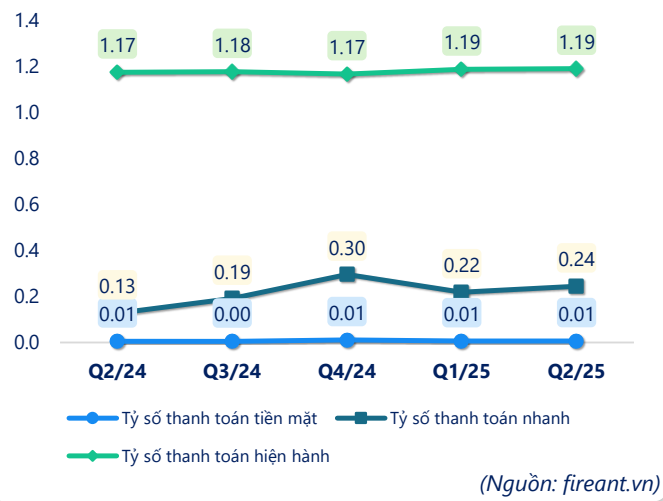
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



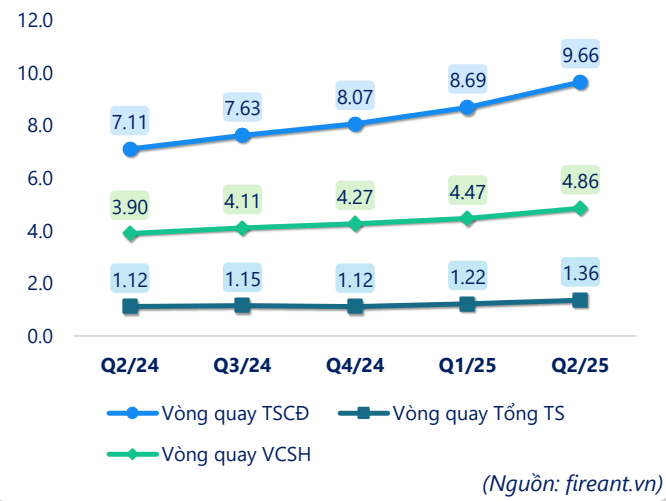
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**837**	**856**	**913**	**862**	**867**
Tài sản ngắn hạn	**697**	**720**	**780**	**733**	**741**
Tiền và tương đương tiền	3.04	2.94	7.46	3.84	4.19
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	57.6	100	178	119	137
Hàng tồn kho	622	604	583	597	589
Tài sản ngắn hạn khác	15.0	13.5	12.3	11.9	10.6
Tài sản dài hạn	**140**	**136**	**133**	**129**	**126**
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0	0	0
Tài sản cố định	125	122	119	115	115
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.84	0.33	1.03	2.01	0.33
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.9	13.4	12.7	12.0	11.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**600**	**619**	**675**	**623**	**627**
Nợ ngắn hạn	**594**	**612**	**669**	**617**	**622**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	504	494	490	489	517
Phải trả người bán ngắn hạn	65.7	108	159	106	88.4
Nợ dài hạn	6.30	6.55	6.22	6.13	5.44
Vay và nợ thuê dài hạn	1.41	1.46	1.45	1.43	0.75
Nguồn vốn chủ sở hữu	**237**	**238**	**238**	**239**	**240**
Vốn chủ sở hữu	**237**	**238**	**238**	**239**	**240**
Vốn điều lệ	207	207	207	207	207
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)